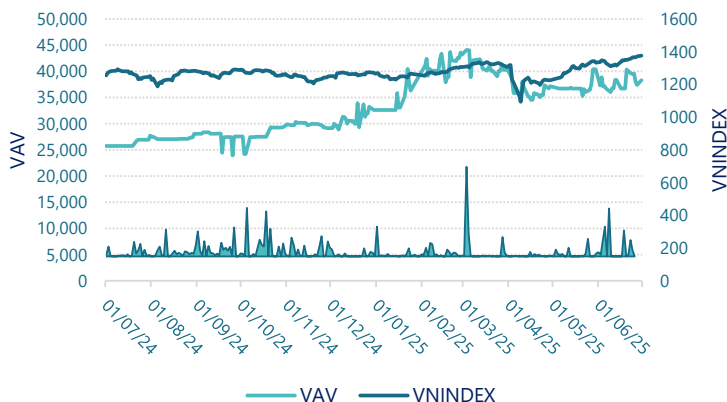




CTCP VIWACO (UPCOM: VAV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	57,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	44,097
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,940
SL cổ phiếu LH	32,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,010
% sở hữu nước ngoài	2.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,837
P/E	8.2
EPS	7,013

DT thuần

Q2/25

291

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 53.0 | 22.4%

YoY: ▲ 13.0 | 4.8%

LN sau thuế

Q2/25

35.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 18.4 | -33.9%

YoY: ▼ 14.4 | -28.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

16.2%

+/- YoY: ▼ 7.5%

DT thuần

6T 2025

529

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 27.0 | 5.6%

LN sau thuế

6T 2025

90.0

tỷ VNĐ

ROE

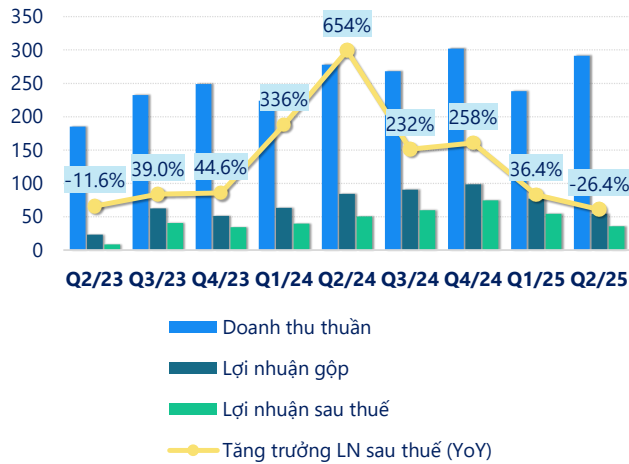
Q2/25

33.5%

+/- YoY: ▲ 1.1%

tỷ VNĐ

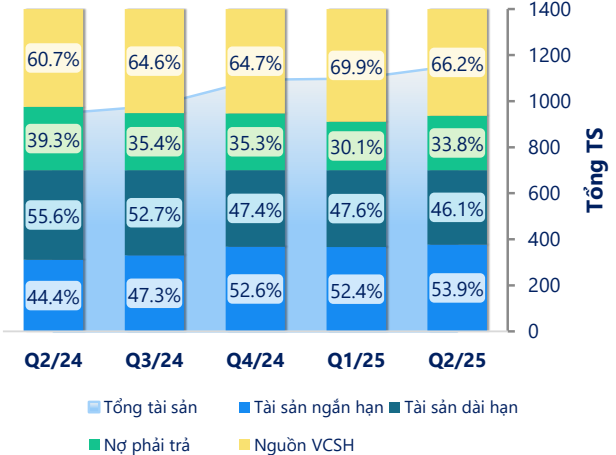
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

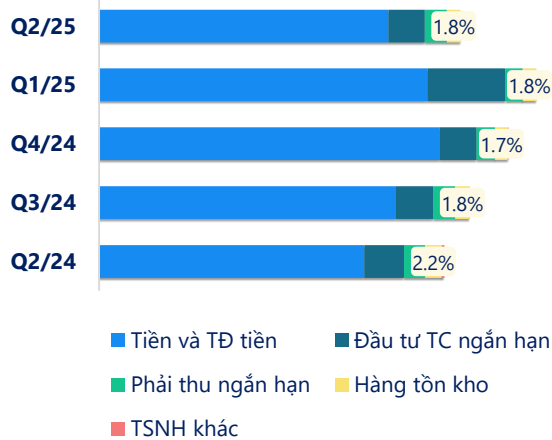
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



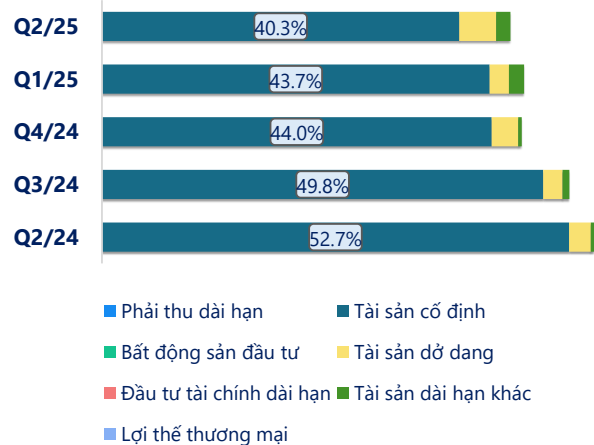
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

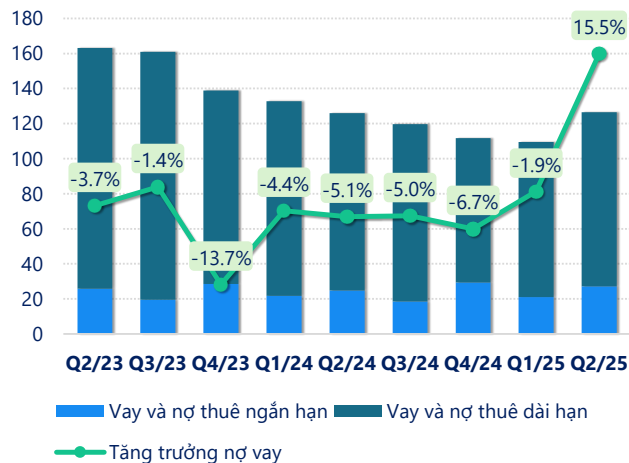
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

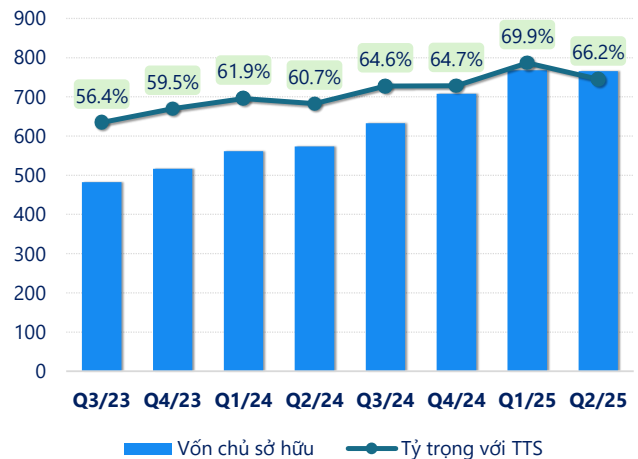
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

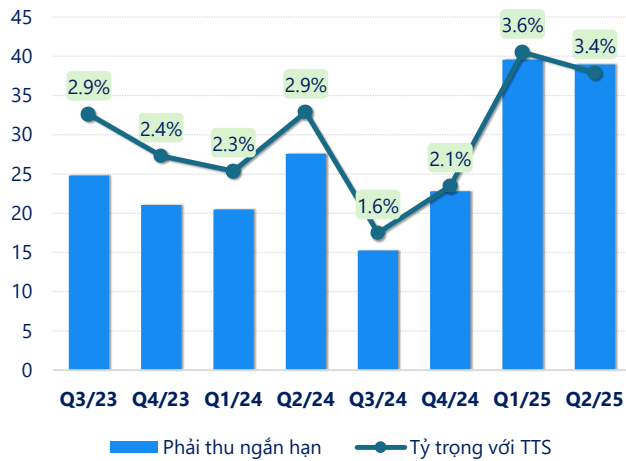
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



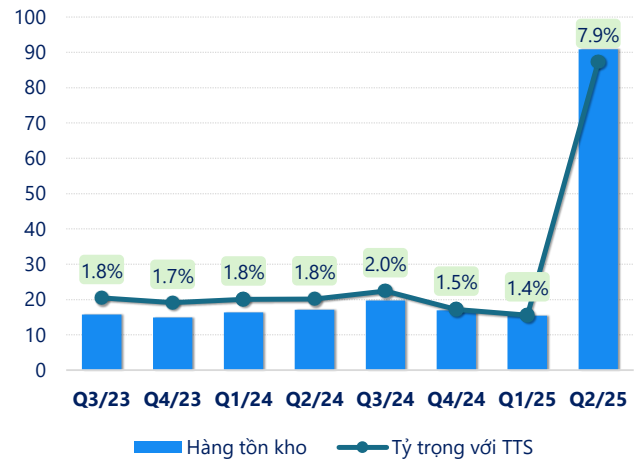
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


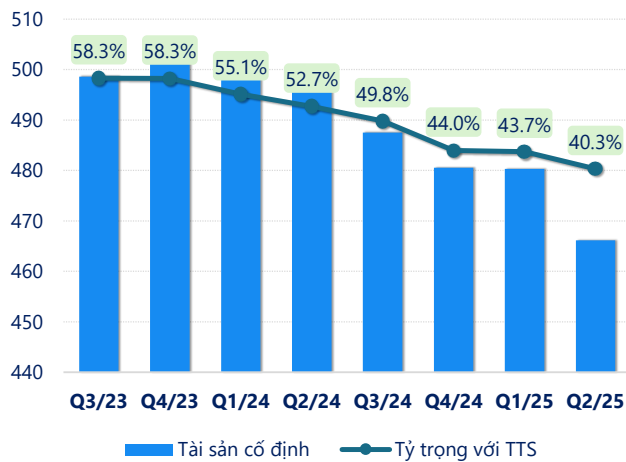
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


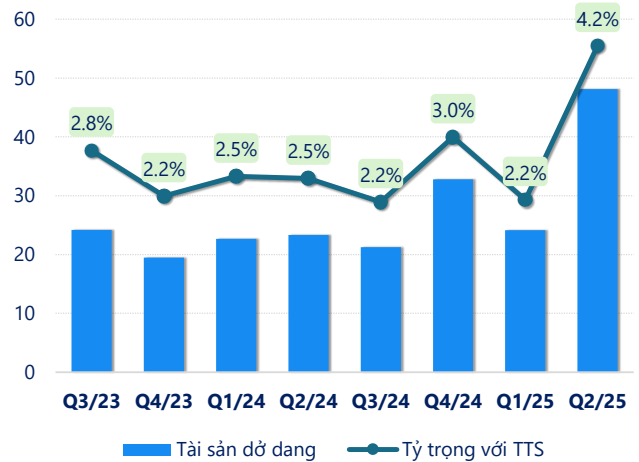
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

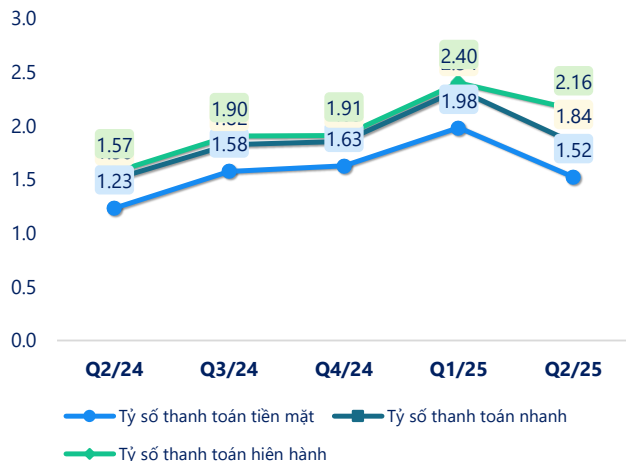
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

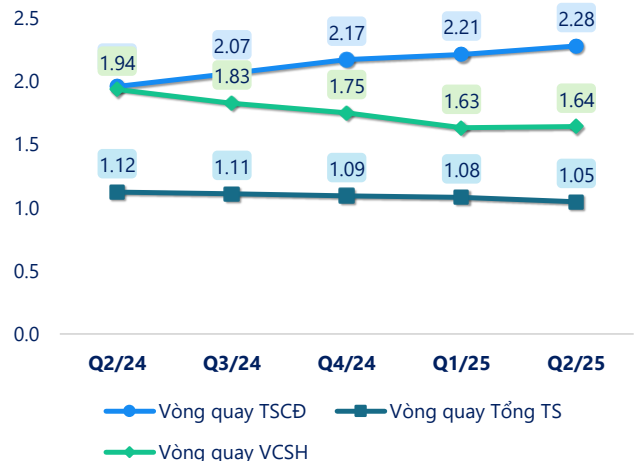
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	944	979	1,093	1,098	1,156
Tài sản ngắn hạn	419	463	575	575	623
Tiền và tương đương tiền	330	383	490	475	440
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.0	45.0	45.0	45.0	50.0
Phải thu ngắn hạn	27.6	15.2	22.8	39.5	39.0
Hàng tồn kho	17.1	19.7	16.9	15.4	90.8
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0.35	0	2.94
Tài sản dài hạn	524	516	518	523	533
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	497	488	481	480	466
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	23.3	21.3	32.8	24.1	48.1
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.80	7.58	4.46	18.8	18.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	371	346	385	330	391
Nợ ngắn hạn	267	243	301	240	289
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.8	18.5	29.3	21.0	27.2
Phải trả người bán ngắn hạn	109	76.2	145	98.1	127
Nợ dài hạn	103	103	84.5	90.8	102
Vay và nợ thuê dài hạn	101	101	82.3	88.5	99.3
Nguồn vốn chủ sở hữu	573	633	707	768	765
Vốn chủ sở hữu	573	633	707	768	765
Vốn điều lệ	320	320	320	320	320
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)